TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **26**/2019/DSPT
Ngày 12 tháng 3 năm 2019
Vụ án "Tranh chấp quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Ngô Anh Dũng;

Các Thẩm phán: Bà Phan Thị Vân Hương;

Ông Đặng Văn Hưng.

Thư ký phiên toà: Bà Vy Minh Huyền, Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Ngọc, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 53/2018/TLPT-DS ngày 15 tháng 5 năm 2018 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất" do có kháng cáo của nguyên đơn đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2017/DS-ST ngày 12 tháng 12 năm 2017 của Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1476/2019/QĐ-PT, ngày 25 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

*** *Nguyên đơn*:** Ông Vũ Văn M**,** sinh năm 1953.

Địa chỉ: Thôn A, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

*** *Bị đơn*:**

1. Ông Vũ Văn T, sinh năm 1946.

2. Ông Hoàng Văn K, sinh năm 1947;

3. Ông Đặng Văn L, sinh năm 1960;

4. Ông Nguyễn Văn I, sinh năm 1960;

5. Ông Bùi Văn C, sinh năm 1962;

6. Ông Vũ Văn M, sinh năm 1964;

7. Ông Đặng Văn V, sinh năm 1954;

8. Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1963;

Đều trú tại: Thôn A, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

08 bị đơn đều vắng mặt không có lý do.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn U, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Tiến D, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H (Theo Giấy ủy quyền ngày 16/8/2018); có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Xuân T, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Xuân H, sinh năm 1973; chức vụ: Công chức địa chính, nông nghiệp, xây dựng và môi trường xã H (theo Giấy ủy quyền ngày 14/8/2018); có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại Đơn khởi kiện ngày 17/7/2012, bản tự khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là ông Vũ Văn M trình bày:

Ông Vũ Văn M được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện H giao và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp số I 951895 ngày 12/8/1997, diện tích 23.000m^2 gồm 02 thửa: Thửa số 47 thuộc khu vực đồi Rọc bà V diện tích 18.000m^2 ; thửa số 49 là 5.000m^2, thời hạn sử dụng đất đến năm 2046. Cụ thể ranh giới như sau:

Thửa số 47: Phía Tây giáp đất hộ ông Long, phía Bắc giáp đất gia đình ông K, phía Đông giáp đất ở các hộ dân Thôn A.

Thửa số 49: Phía Bắc và phía Tây giáp khe, phía Đông và phía Nam giáp đường và hộ gia đình ông Nguyễn Văn Th, hộ gia đình anh Tài.

Hiện nay thửa số 47 đã bị các hộ gia đình ông Vũ Văn T, Hoàng Văn K, Đặng Văn L, Nguyễn Văn I, Bùi Văn C, Vũ Văn M, Đặng Văn V lấn chiếm tổng

diện tích 8.000m^2; cụ thể: Hộ ông T lấn chiếm 1.800m^2; hộ ông K lấn chiếm 1.700m^2; hộ ông L lấn chiếm 500m^2; hộ ông C lấn chiếm 1.000m^2; hộ ông M lấn chiếm 1.000m^2; hộ ông V lấn chiếm 500m^2. Ở thửa số 49 hộ ông Th lấn chiếm khoảng 1.000m^2.

Ông M trình bày: Tại Biên bản làm việc ngày 10/8/2011 của UBND xã H cùng đại diện Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H đã đo đạc, kiểm tra hiện trạng, xác định mốc giới đất lâm nghiệp tại thửa số 47, đo vẽ sơ đồ và xác định diện tích đất lâm nghiệp của gia đình ông là 18.360m^2. Tại Biên bản bàn giao mốc giới đất lâm nghiệp thửa 47 ngày 10/6/2012 của UBND xã H cũng đo vẽ sơ đồ và xác nhận diện tích là 18.360m^2 nhưng đến Biên bản xem xét thẩm định của Tòa án các ngày 03, 04 tháng 4/2014 xác định thửa 47 có diện tích là 12.743m^2 và sơ đồ đất không giống hiện trạng ban đầu như 02 Biên bản trên nên ông yêu cầu các bị đơn phải trả lại đất lâm nghiệp đã lấn chiếm cho ông diện tích khoảng 9.000m^2.

Các bị đơn trình bày:

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 31/8/2012, bị đơn là ông Đặng Văn V trình bày: Năm 1996, Nhà nước có chủ trương khai hoang đất trống, đồi núi trọc, ông đã khai hoang được một khu đất khoảng 100m^2, thuộc khu vực đồi Rọc bà V. Cũng trong năm này, ông có đơn xin thầu lại khu đất đã khai hoang và được UBND xã H đồng ý. Hội đồng thầu đất Lâm nghiệp năm 1996 đã thu tiền sử dụng. Ông M cho rằng ông lấn chiếm đất của ông M là không đúng nên không chấp nhận yêu cầu của ông M.

Tại Bản tự khai ngày 13/8/2012, bị đơn là ông Nguyễn Văn I trình bày: Năm 1980, Nhà nước có chính sách khai hoang đất trống, gia đình ông đã khai hoang được 378m^2 đất tại khu vực đồi bà V. Đến năm 1996, Nhà nước có chủ trương giao đất lại cho các hộ canh tác lâu năm, gia đình ông đã làm đơn xin tiếp tục sử dụng đất đã khai hoang và được UBND xã H giao diện tích đất trên cho gia đình ông, thời hạn giao thầu là 50 năm có thu tiền sử dụng đất. Vị trí tiếp giáp bao gồm: Phía Nam giáp thửa đất nhà ông T, phía Bắc giáp thửa đất nhà ông K, phía Đông giáp đất thổ cư nhà ông, phía Tây giáp thửa đất nhà ông M. Từ đó đến nay, gia đình ông sử dụng liên tục diện tích đất này. Việc ông M cho rằng ông lấn chiếm 1500m^2 là không có cơ sở.

Tại Bản tự khai ngày 13/8/2012 bị đơn là ông Đặng Văn L trình bày: Năm 1995, Nhà nước có chủ trương khai hoang vùng đất đồi, gia đình ông đã khai hoang được 360m^2. Đến năm 1996, ông có đơn xin thầu lại khu vực đất đã khai hoang và được UBND xã H chấp nhận. Hai bên ký hợp đồng thầu đất với thời

hạn 50 năm có thu tiền sử dụng đất là 360m^2 thuộc thửa bà V. Ranh giới: Phía Nam giáp đất thổ cư nhà anh Kính, phía Tây giáp thửa đất nhà anh Châu, phía Bắc giáp thửa đất nhà ông M. Từ khi ông thầu đất đến nay, diện tích không thay đổi. Nay ông M cho rằng gia đình ông lấn chiếm là không đúng nên ông không chấp nhận trả lại.

Tại Bản tự khai ngày 13/8/2012 bị đơn là ông Vũ Văn T trình bày: Nguồn gốc đất gia đình ông hình thành từ năm 1996 khi Nhà nước có chủ trương khai hoang phục hóa đất đồi. Gia đình ông đã khai hoang được 1400m^2, cũng trong năm này gia đình ông có đơn xin thầu đất đã khai hoang và được UBND xã H chấp nhận. Diện tích đất thầu là 1400m^2 thuộc khu đồi Rọc bà V, thời hạn sử dụng là 50 năm. Ranh giới: Phía Bắc giáp thửa đất nhà ông I, phía Tây giáp thửa đất nhà ông C, phía Đông giáp thửa đất nhà ông K. Gia đình ông sử dụng liên tục từ khi thầu đất cho đến nay. Việc ông M cho rằng gia đình ông lấn chiếm đất là không đúng nên ông không chấp nhận trả đất theo yêu cầu của ông M.

Tại Bản tự khai ngày 13/8/2012, bị đơn là anh Vũ Văn M trình bày: Năm 1992, gia đình anh khai hoang được một thửa đất đồi là 616m^2. Đến năm 1996, UBND xã H đồng ý cho gia đình anh thầu lại thửa đất đã khai hoang thuộc khu vực đồi bà V, có thu tiền sử dụng đất, thời hạn sử dụng là 50 năm. Ngoài ra, gia đình anh còn được Nhà nước giao hai thửa đất gồm: Đất thổ cư được giao từ năm 1992, tại thửa số 31 diện tích 2894m^2, thửa đất này có tên trong sổ địa chính xã H nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; đất lâm nghiệp được giao từ năm 1990 thửa số 63 diện tích là 8000m^2, thửa đất này có tên trong sở giao đất lâm nghiệp năm 1996 và giáp với thửa 47 nhà ông Vũ Văn M. Tổng diện tích đất của gia đình anh là 11.510m^2. Gia đình anh sử dụng liên tục từ trước đến nay không có lấn chiếm. Nay ông M cho rằng gia đình anh lấn chiếm 1000m^2 là không có cơ sở nên anh không chấp nhận yêu cầu của ông M.

Tại Bản tự khai ngày 13/8/2012 bị đơn là ông Hoàng Văn K trình bày: Năm 1990, gia đình ông khai hoang được một thửa đất đồi. Đến năm 1996, xã H chấp nhận cho gia đình ông thầu lại với thời hạn 50 năm, diện tích đất thầu là 712m^2 thuộc đồi bà V. Ranh giới: Phía Đông Nam giáp đất ông I, phía Tây Bắc giáp đất ông M. Gia đình ông sử dụng liên tục từ đó đến nay và diện tích vẫn đủ theo hợp đồng thầu. Nay ông M cho rằng gia đình ông lấn chiếm 1700m^2 là không có cơ sở nên ông không chấp nhận yêu cầu của ông M.

Tại Bản tự khai ngày 21/8/2012, bị đơn là ông Bùi Văn C trình bày: Năm 1995, Nhà nước có chủ trương khai hoang vùng đất đồi, gia đình ông đã khai hoang được 200m^2. Đến năm 1996, gia đình ông có đơn xin thầu lại đất đã khai

hoang và được UBND xã H chấp nhận. Thời hạn giao thầu là 50 năm có thu tiền sử dụng đất, diện tích 200m^2 thuộc đồi bà V. Ranh giới: Phía Nam giáp đất thổ cư nhà ông Kỳ, phía Đông giáp thửa đất nhà ông T, phía Bắc giáp thửa đất nhà ông Luận, phía Tây giáp thửa đất nhà ông T, phía Bắc giáp thửa đất nhà ông Luận, phía Tây giáp thửa đất nhà ông Tiến. Gia đình ông sử dụng liên tục từ khi thầu đất đến nay. Nay ông M cho rằng gia đình ông lấn chiếm đất là không có cơ sở nên ông không chấp nhận trả lại.

Tại các bản tự khai ngày 31/8/2012 và ngày 02/4/2014 bị đơn là anh Nguyễn Văn Th trình bày: Năm 1997, gia đình anh được UBND xã H giao đất lâm nghiệp tại khu vực đồi Rọc, diện tích 4200m^2, thời hạn sử dụng 50 năm. Ngoài ra, năm 1996, UBND xã H còn giao đất trồng cây hàng năm cho gia đình anh là 1054m^2. Đến năm 2000, gia đình anh nhận chuyển nhượng của ông Vũ Văn M diện tích đất 600m^2. Chính vì vậy, diện tích đất gia đình anh đang sử dụng tại khu vực đồi trọc giáp với thửa đất số 49 nhà ông M gồm có đất lâm nghiệp, đất giao theo Nghị định số 02 và đất nhận chuyển nhượng từ gia đình ông M tổng cộng 5.854m^2. Nay ông M cho rằng gia đình anh lấn chiếm đất tại thửa số 49 của gia đình ông M là không có cơ sở nên anh không chấp nhận trả lại.

Theo khung giá đất của UBND huyện H, vị trí đất đang tranh chấp có giá 3000đ/m^2.

Ông M yêu cầu Tòa án nhân dân huyện H xem xét giải quyết buộc ông T trả lại 1.800m$^{2;}$ hộ ông I trả lại 1500m^2, hộ ông K trả lại 1700m^2; hộ ông L trả lại 500m^{2,} hộ ông C trả lại 1000m^2, hộ ông M trả lại 1000m^2; hộ ông V trả lại 500m^2 thuộc thửa 47, hộ ông Th trả lại 1000m^2 theo đúng mốc giới thửa 49. Tổng diện tích hai thửa đất của ông bị lấn chiếm là 9000m^2 trị giá khoảng 27 triệu đồng.

Vụ án đã được xét xử vào các lần như sau:

Tại Bản án sơ thẩm số 03/2014/DSST ngày 22/8/2014, Tòa án nhân dân huyện H quyết định: Bác yêu cầu khởi kiện trả đất của ông Vũ Văn M đối với các hộ ông Vũ Văn T, Hoàng Văn K, Đặng Văn L, Nguyễn Văn I, Bùi Văn C, Vũ Văn M, Đặng Văn V, Nguyễn Văn Th.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ông M kháng cáo không đồng ý với Bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa toàn bộ Bản án sơ thẩm, buộc 08 bị đơn trả lại đất cho gia đình ông.

Tại Bản án phúc thẩm số 93/2014/DSPT ngày 25/12/2014, Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã hủy bản án dân sự sơ thẩm số 03/2014/DSST ngày 22/8/2014 của Tòa án nhân dân huyện H.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2015/DSST ngày 25/9/2015 Tòa án nhân dân huyện H áp dụng khoản 4 Điều 100; Điều 101 Luật Đất đai năm 2013, Điều 5, khoản 3 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; điểm b khoản 2 Điều 199; khoản 2 Điều 141; khoản 1 Điều 42 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Xử: Bác yêu cầu khởi kiện trả lại đất của ông Vũ Văn M đối với các hộ ông Vũ Văn T, Hoàng Văn K, Đặng Văn L, Nguyễn Văn I, Bùi Văn C, Vũ Văn M, Đặng Văn V, Nguyễn Văn Th.

Sau khi xử sơ thẩm ngày 20/10/2015 ông M tiếp tục kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án sơ thẩm buộc 08 hộ dân phải trả lại diện tích đất đang lấn chiếm cho gia đình ông.

Tại Bản án phúc thẩm số 99/DSPT ngày 25/02/2015, Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã hủy bản án dân sự sơ thẩm số 01/2015/DSST ngày 25/9/2015 của Tòa án nhân dân huyện H.

Ngày 09/3/2016 Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa căn cứ vào khoản 2 Điều 34 Bộ luật Tố tụng dân sự, căn cứ vào Công văn số 13/CV-TA ngày 26/02/2016 của Tòa án nhân dân huyện H về việc đã ra quyết định rút hồ sơ số 01/2016.

Ngày 15/3/2016 Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã ra thông báo thụ lý vụ án để xét xử theo trình tự sơ thẩm.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2017/DSST ngày 12/12/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã căn cứ khoản 9 Điều 26; khoản 3 Điều 35; Điều 37; khoản 4 Điều 100, Điều 101, khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 203 Luật đất đai năm 2014; Điều 48 Điểm a thứ 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án xử: Bác yêu cầu khởi kiện trả đất của ông Vũ Văn M đối với các ông: Vũ Văn T, Hoàng Văn K, Đặng Văn L, Nguyễn Văn I, Bùi Văn C, Vũ Văn M, Đặng Văn V, Nguyễn Văn Th.

Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 22/12/2017, nguyên đơn là ông Vũ Văn M có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu các bị đơn trả lại đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay nguyên đơn là ông M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử buộc các bị đơn phải trả lại đất lấn chiếm.

Tại phiên toà phúc thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa do đại diện theo Giấy ủy quyền ngày 14/8/2018 của Chủ tịch xã trình bày: Quan điểm của UBND là giải quyết theo quy định của pháp luật. Nếu diện tích đất tranh chấp của ông M thì phải thu hồi diện tích của các hộ tranh chấp trả lại cho ông M. Còn nếu các hộ gia đình đó sử dụng đúng, có căn cứ thì phải thu hồi đất của ông M, sửa lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông M. Việc Ủy ban nhân dân huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông M là đúng trình tự, thủ tục theo pháp luật lúc đó, không sai. Các hộ bị đơn đều không có căn cứ sử dụng đất đất đúng quy định. Họ không có bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh họ sử dụng hợp pháp diện tích đất này. Khi Tòa án nhân dân cấp cao có văn bản thì UBND huyện H đã có công văn trả lời, nội dung công văn đó là đúng sự thật, hiện nay trên đất tranh chấp có tổng cộng 21 hộ gia đình cùng canh tác và sử dụng chứ không chỉ là 08 hộ gia đình nữa.

Tại phiên toà phúc thẩm các bị đơn không có mặt nên Hội đồng xét xử và đại diện Viện kiểm sát chỉ tiến hành hỏi nguyên đơn nên không có phần tranh luận giữa nguyên đơn với các bị đơn; còn nguyên đơn và đại diện UBND xã H không hỏi và tranh luận vấn đề gì với nhau.

Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định việc tham gia phiên tòa của đương sự theo đúng quy định của pháp luật. Kháng cáo của ông M đúng thời hạn, đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Xét kháng cáo của ông M: Trong quá trình xét xử vụ án, qua quá trình xác minh thì có thêm các tình tiết mới là có thêm 13 hộ dân đang canh tác, quản lý và sử dụng diện tích đất hiện đang tranh chấp, tại hồ sơ chưa có ý kiến của 13 hộ dân này về việc tranh chấp quyền sử dụng đất với ông M. Các tình tiết này không thể giải quyết tại cấp phúc thẩm. Do đó, để giải quyết dứt điểm vụ án, không làm ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của các hộ dân này, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự, hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa, chuyển toàn bộ hồ sơ về cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án và nghe nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm; Hội đồng phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã nhiều lần có Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng các bị đơn đều không có mặt mặc dù đã nhận được giấy triệu tập hợp lệ. Phiên tòa hôm nay các bị đơn cũng không có mặt; do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 296 của BLTTDS xét xử vắng mặt các bị đơn theo qui định.

[2] Về nội dung:

Theo đơn khởi kiện cũng như nội dung kháng cáo, nguyên đơn là ông Vũ Văn M cho rằng ngày 12/8/1997 ông được UBND huyện H giao và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp số I 951895 với tổng diện tích 23.000m^2 gồm 02 thửa như sau: thửa số 47 và thửa 49, thời hạn sử dụng đến năm 2046, ranh giới cụ thể như sau:

Thửa số 47 diện tích 18.000m^2 có tứ cận phía Tây giáp đất ông Long, phía Bắc giáp đất gia đình ông K, phía Đông và phía Nam giáp đất ở của các hộ nhân dân Thôn A.

Thửa số 49 diện tích 5.000m^2 có tứ cận phía Bắc và phía Tây giáp khe, phía Đông và phía Nam giáp đường và hộ gia đình ông Nguyễn Văn Th.

Hiện nay thửa đất 47 đã bị các hộ gia đình ông T, ông K, ông L, ông I, ông C, ông M, ông V lấy đất và chiếm đoạt khoảng 8.000m^2, cụ thể: Hộ gia đình ông T chiếm khoảng 1.800m^2; hộ ông K chiếm khoảng 1.700m^2, hộ gia đình ông L chiếm khoảng 500m^2; hộ gia đình ông I chiếm khoảng 1.500m^2; hộ gia đình ông C chiếm khoảng l.000m^2; hộ gia đình ông M chiếm khoảng 1.000m^2; hộ gia đình ông V chiếm khoảng 500m^2;

Thửa đất 49 bị hộ gia đình ông Th lấy vào đất của ông khoảng 1.000m^2.

Ông M đề nghị Tòa án buộc 08 hộ dân nêu trên trả lại diện tích đất đang lấn chiếm cho gia đình ông.

[2.1] Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của ông M từ tháng 7 năm 2012 và đã được Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm hai lần đều hủy hai bản án sơ thẩm của Toà án nhân dân huyện H vì Tòa án này bác yêu cầu của ông M chưa đủ căn cứ. Sau đó Toà án tỉnh rút hồ sơ để giải quyết sơ thẩm. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định: "*Việc ông M khởi kiện cho rằng hiện nay diện tích đất lâm nghiệp của gia đình ông còn thiếu so với diện*

tích được UBND huyện H giao quyền sử dụng năm 1997 là đúng thực tế. Nhưng quan điểm của UBND xã H lại cho rằng diện tích đất lâm nghiệp của ông M không bị lấn chiếm, mà Việc sử dụng đất của các hộ: Ông Vũ Văn T, ông Hoàng Văn Khiết, ông Đặng Văn Lễ, ông Nguyễn Văn I, ông Bùi Văn C, ông Vũ Văn M, ông Đặng Văn V; ông Nguyên Văn Thi tại Thôn A xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa từ thời điểm năm 1996 và sử dụng ổn định từ trước thời điểm năm 1996 cho đến nay. Trong khi đó hộ ông Nguyễn Văn Minh được UBND huyện H cấp giấy CNQSDĐ lâm nghiệp ngày 12/8/1997. Các hộ còn lại đều được UBND xã H giao sử dụng hoặc nhận chuyển nhượng và đã có tên chủ sử dụng đất trong hồ sơ giao đất từ năm 1996. Trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông M cũng như hồ sơ giao đất của các hộ đều không thể hiện kích thước thửa đất, diện tích hiện trạng các hộ đang sử dụng đều thiếu hoàn toàn do sai số đo đạc". Với nhận định này nên Hội đồng xét xử sơ thẩm đã quyết định không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn M.

Toà án cấp phúc thẩm thấy còn nhiều vấn đề về nguồn gốc cũng như các vị trí diện tích đất cụ thể của các bị đơn giáp ranh với hai thửa đất đang tranh chấp của ông M chưa được làm rõ nên đã Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án để thu thập, xác minh chứng cứ theo qui định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại Báo cáo số 04/BC-UBND ngày 16/01/2019 của UBND xã H gửi Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội có nội dung:

"III. *Về tài liệu hồ sơ chứng cứ do các hộ liên quan cung cấp như sau*:

1. Ông Vũ Văn M có giấy chứng nhận QSD đất lâm nghiệp do UBND huyện H cấp ngày 12/8/1997, tổng diện tích 23.000m^2 gồm lô 47, diện tích 18.000m^2, lô 49 = 5000m^2.

Có tên trong sổ giao đất, có vị trí trong bản đồ giao đất, có hồ sơ giao đất đúng theo quy định của pháp luật.

Hiện trạng đo lô 49 thửa 0 = 3771m^2 giảm 1229m^2 (Thửa 1.1).

Trong biên bản giao đất cũng như sổ giao đất Lâm nghiệp có đóng dấu của xã và huyện ghi rõ lô 47, diện tích 1,8 ha có tiếp giáp:

+ Phía đông giáp ruộng (ruộng cấy lúa mùa) nay là đất ở + cây lâu năm của ông Nguyễn Văn I và ông Nguyễn Văn Kính tại thửa 18+22 và phần đất bằng phía nhà ông Nguyễn Văn Kính.

+ Phía tây giáp đất LN ông Bùi Văn Long;

+ Phía nam giáp đất thổ Cư (Không có giáp đồi hay ruộng);

+ Phía bắc giáp đất LN ông Trọng (nay là Hoàng Văn Phúc);

Đo đạc hiện trạng: thửa 44 +56 . Tổng diện tích 10.120,2m^2 so với giấy chứng nhận 18.000m^2 thì giảm 7.879,8m^2.

** Báo cáo xác minh nguồn gốc đất của ông Ninh Quang Kệ (Hội đồng giao đất Lâm nghiệp của xã lần đầu) giao đất cho nguyên đơn là ông Vũ Văn M, đã khẳng định việc giao đất đúng quy định của pháp luật, không trùng vào đất của hộ khác.*

** Báo cáo xác minh nguồn gốc đất của ông Nguyễn Văn Thận (Hội đồng giao đất Lâm nghiệp của xã) giao đất cho nguyên đơn là ông Vũ Văn M, đã khẳng định việc giao đất đúng quy định của pháp luật, không trùng vào đất của hộ khác.*

Các thành viên khác trong Hội đồng giao đất Lâm nghiệp không cung cấp chứng cứ.

** Các hộ có liên quan trong đơn khởi kiện 8 hộ cụ thể:*

l. Ông Vũ Văn T Thôn A: sử dụng thửa 6 thửa (thửa 27+28+33+36+37+39), tổng diện tích hiện trạng 1617,6m^2. Hộ không cung cấp giấy tờ gì. Không có số thửa trong bản đồ, không có tên sổ giao đất Lâm nghiệp theo quy định, mà có tên trong tập giấy do ông Vũ Trọng Hải cung cấp tại trang; 18 số thứ tự (6) diện tích 544m^2.

2. Ông Hoàng Văn K Thôn A: gồm 1 thửa 32 tổng diện tích: 651,9m^2. Không có chứng cứ, không có ai giao đất, không có tên trong sổ giao đất.

3. Ông Đặng Văn L Thôn A: 1 thửa 53, diện tích: 305,6m^2. Không có chứng cứ, không có ai giao đất, không có tên trong sổ giao đất.

4. Ông Bùi Xuân Châu Thôn A: gồm 3 thửa (25+41) tổng diện tích: 727.5m^2. Không có chứng cứ , không có ai giao đất, không có tên trong sổ giao đất.

5. Ông Vũ Văn M: Ông Vũ Văn M và ông Bùi Văn Long có nguồn gốc là đất của ông Bùi Văn Long và Bùi Văn Tơng được giao năm 1997 thuộc lô 48+63, tổng diện tích 1,8 ha (lô 48 = 1 ha ; lô 63 = 0,8 ha) đã được cấp giấy chứng nhận năm 1997 tại sổ giao đất lâm nghiệp số thứ tự 46 + 60, trang 03).

- Đến năm 2013 ông Vũ Văn M được cấp giấy chứng nhận QSD đất theo dự án WB3 = 6528m^2 (tương ứng vị trí lô 63 năm 1997 của ông Bùi Văn Tơng) và đến năm 2014 được cấp giấy CNQSD đất ở 2894m^2. Tổng DT ông M được cấp giấy chúng nhận năm 2013+2014 = 9.422m^2.

- Ông Bùi Văn Long được cấp giấy chứng nhận QSD đất theo dự án WB3 = 13.768.5m^2 (tương ứng vị trí lô 48 và 1 phần diện tích lô 63 năm 1997 của ông Bùi Văn Tơng).

Tổng 2 hộ được cấp giấy chứng nhận năm 2013 +2014 = 23.190,5m^2.

Hiện trạng sử dụng tại thửa 3+4+5+6+7+8 = 24.810,9m^2 so với cấp giấy thì tăng 900,4m^2

** Các thửa đất liên quan trong lô đất ông M hiện trạng ông Vũ Văn M đang sử dụng thửa 4.1 diện tích 333m^2.*

6. Ông Đặng Văn V Thôn A : gồm 1 thửa 38.1. Tổng diện tích: 122,3m^2. Không có chứng cứ, không có ai giao đất, không có tên trong sổ giao đất.

7. Ông Nguyễn Văn Th Thôn A: Hộ có quyết định giao đất của Chủ tịch UBND xã H ngày 21/7/1997 = 5000m^2, QĐ không có số vào sổ , UBND xã cũng không có QĐ và sổ lưu ban hành quyết định. Có giấy mua đất của ông Vũ Văn M viết ngày 2/4/2000 = 600m^2 (Theo bản tự kê của bà Ngùy vợ của ông Th ngày 3/12/2016 thì diện tích mua này nằm trong giữa lô đất của ông Th đang sử dụng).

Việc giao đất cho ông Th là không đúng quy định. Tổng diện tích được giao và mua lại của ông M = 5600m^2, hiện trạng sử dụng thửa số 1, diện tích 6909,4m^2, so với xã giao ban đầu tăng 1309,4m^2, vị trí này tương đối bằng phẳng rất dễ do đạc .

(Trong đó có thửa 1.1 diện tích 1229m^2 trong khuôn viên lô đất ông M được cấp giấy)

8. Ông Nguyễn Văn I Thôn A: Hiện trạng sử dụng gồm 5 thửa 21+23+29+30+34. Tổng diện tích: 3544,1m^2. Không có chứng cứ, không có ai giao đất. Không có tên trong sổ giao đất.

Các hộ liên quan khu đồi có diện tích trong khuôn viên lô đất của ông M, không có tên trong đơn khởi kiện: 13 hộ được 8 hộ nêu trên chia tách tặng cho sau đơn ngày khởi kiện. Các hộ đều không có chứng cứ, không có ai giao đất, không có tên trong hồ sơ giao đất.

1. Ông Nguyễn Văn Bình thôn 11 (là con rể của ông Đặng Văn V): gồm

3 thửa (35+47+54) tổng diện tích : 261,3m^2.

2. Ông Trần Văn Cần Thôn A: gồm 1 thửa 50 diện tích : 695,8m^2.

3. Ông Đặng Văn Cao Thôn A (là con của em ông Đặng Văn Vân): gồm 3

thửa (24+36+38) tổng diện tích: 1017,9m^2.

4. Ông Bùi Xuân Châu Thôn A: gồm 2 thửa (25+41) tổng diện tích: 727,52m^2.

5. Ông Hoàng Văn Chính Thôn A: gồm 1 thửa 49 tổng diện tích :293,6m^2.

6. Ông Hoàng Văn Đích Thôn A: gồm 1 thửa 55 tổng diện tích: 859,4m^2.

7. Ông Đặng Văn Đoan Thôn A: gồm 1 thửa 52 tổng diện tích: 717m^2.

8. Ông Đặng Văn Dũng Thôn A (là con rể của ông Hoảng Văn Khiết): gồm 1 thửa 46 tổng diện tích: 339m^2.

9. Ông Vũ Văn Luận Thôn A: gồm 1 thửa 42. Tổng diện tích: 861,7m^2.

10. Ông Hoàng Văn Phúc 10 (là con trai của ông Hoàng Văn K): gồm

2 thửa 45+48. Tổng diện tích: 680,2m^2.

11.Ông Hoàng Văn Tiến Thôn A (là con trai của ông Hoàng Văn K):

sử dụng 1 thửa 40 diện tích hiện trạng 519,6m^2.

12. Ông Trịnh Văn Tin Thôn A: sử dụng thửa 57,diện tích hiện trạng 679,7m^2.

13. Ông Đặng Văn Tinh Thôn A (là con trai của ông Đặng Văn Đoan): sử dụng thửa 31, diện tích hiện trạng 306,2m^2.

14. Ông Hoàng Văn Trung Thôn A: sử dụng thửa 31, diện tích hiện trạng 331,6m^2.

(Các cạnh mét, các phía giáp ranh, mốc giới, vị trí của các thửa đất thể hiện theo Bản đồ lô khu đất tranh chấp của ông Vũ Văn M theo Báo cáo số 04 ngày 16/1/2019 của UBND xã H).

Với những nội dung trong báo cáo nêu trên thì quan điểm của UBND xã H hiện nay khác cơ bản với những văn bản trước đây của chính UBND xã H về nguồn gốc diện tích đất của 08 hộ gia đình bị đơn trong vụ án này. Báo cáo nêu trên nêu rõ ông Vũ Văn M có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp do UBND huyện H cấp ngày 12/8/1997, tổng diện tích 23.000m^2 gồm lô 47, diện tích 18.000m^2, lô 49 = 5000m^2. Có tên trong sổ giao đất, có vị trí trong bản đồ giao đất, có hồ sơ giao đất đúng theo quy định của pháp luật. Hiện trạng đo lô 49 thửa 0 = 3771m^2 giảm 1229m^2 (Thửa 1.1) Trong biên bản giao đất cũng như sổ giao đất Lâm nghiệp có đóng dấu của xã và huyện ghi rõ lô 47, diện tích 1,8 ha có tứ cận tiếp giáp, nhưng hiện trạng so với giấy chứng nhận 18.000m^2 thì giảm 7.879,8m^2. Văn bản này cũng nêu rõ nhiều hộ gia đình bị đơn không có chứng

cứ, không có ai giao đất, không có tên trong sổ giao đất. Hơn nữa, nhiều năm nay 08 hộ gia đình bị đơn trong vụ án này đã chia tách và tặng cho 13 hộ mới khác và đều có diện tích đất nằm trong khuôn viên lô đất của ông Vũ Văn M.

Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay ông M cũng như đại diện UBND xã H xác nhận điều này là đúng và 13 hộ gia đình mới đó cũng trồng cây lâu năm như cây Tràm .v.v trên đất và như thế nếu trong trường hợp có căn cứ buộc 21 hộ gia định phải trả lại diện tích đất lấn chiếm cho ôn g Minh thì Toà án phải tiến hành thành lập Hội đồng định giá để xác định giá trị tài sản trên đất, công sức .v.v. Như vậy, trong quá trình giải quyết, toà án cấp sơ thẩm không đưa đại diện 13 hộ gia đình nêu trên vào vụ án là thiếu người tham gia tố tụng. Do đó, phải đưa đại diện của 13 hộ gia đình này tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án mới đảm bảo quyền lợi hợp pháp của họ. (Họ tên địa chỉ cụ thể của 13 hộ gia đình tại Thôn A, thôn 11 xã H trong báo cáo số 04/BC-UBND ngày 16/01/2019 của Uỷ ban nhân xã H đã nêu tại trang 11 của bản án phúc thẩm này).

Từ nhận định nêu trên, Toà án cấp phúc thẩm thấy cần chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Toà án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm theo đúng qui định của pháp luật. Ông M kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; nghĩa vụ chịu án phí của các đương sự được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 3 Điều 308 và Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

QUYẾT ĐỊNH

1. Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2017/DS-ST ngày 12/12/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất" giữa nguyên đơn là ông Vũ Văn M với bị đơn là Ông Vũ Văn T, ông Hoàng Văn K, ông Đặng Văn L, ông Nguyễn Văn I, ông Bùi Văn C, ông Vũ Văn M, ông Đặng Văn V, ông Nguyễn Văn Th; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa và Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

2. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa để xét xử sơ thẩm lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Ông Vũ Văn M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được hoàn lại 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai số AA/2010/000456, ngày 05/01/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa.

Nghĩa vụ chịu án phí của các đương sự trong vụ án được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Bản án này có hiệu lực pháp luật từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- Cục T.H.A DS tỉnh Thanh Hoá;
- Các đương sự theo địa chỉ;
- Lưu HCTP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Ngô Anh Dũng